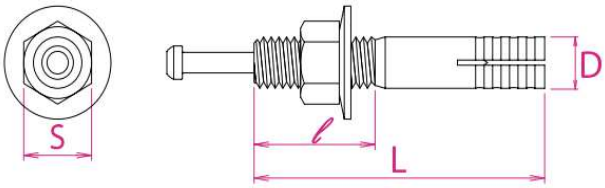


TẮC KÊ NỖ ĐINH SANKO

BẢN VẼ	HÌNH ẢNH	Mã sản phẩm
		B20
		Tiêu chuẩn
		SANKO
		Vật liệu
		Thép/Inox 304

Đơn vị: mm

Mã hàng	d	D	L	ℓ	Mũi khoan	Độ dày tối đa của bản mã	Lực nhổ	Lực cắt	Kích thước đai ốc	Chiều sâu thi công tối thiểu	Chiều sâu mũi khoan
B20M060045PD0	M6	6	45	15	6	5	400	652	10	30	Over 36
B20M060060PD0	M6	6	60	20	6	20					
B20M080040PD0	M8	8	40	15	8	5	705	1030	12	35	Over 33
B20M080050PD0	M8	8	50	20	8	5					Over 43
B20M080070PD0	M8	8	70	25	8	25					
B20M080090PD0	M8	8	90	25	8	45					
B20M100050PD0	M10	10	50	20	10	6	870	1640	14	30	Over 40
B20M100060PD0	M10	10	60	25	10	6	1180			40	Over 50
B20M100070PD0	M10	10	70	25	10	16					
B20M100080PD0	M10	10	80	25	10	26					
B20M100090PD0	M10	10	90	30	10	36					
B20M100100PD0	M10	10	100	30	10	46					
B20M100120PD0	M10	10	120	30	10	66					
B20M120060PD0	M12	12	60	20	12	6	1460	2380	19	40	Over 52
B20M120070PD0	M12	12	70	25	12	6	1826			50	Over 62
B20M120080PD0	M12	12	80	25	12	16					
B20M120090PD0	M12	12	90	30	12	26					
B20M120100PD0	M12	12	100	40	12	36					
B20M120120PD0	M12	12	120	50	12	56					
B20M120150PD0	M12	12	150	50	12	86					
B20M160080PD0	M16	16	80	30	16	10	2340	4890	24	50	Over 66
B20M160100PD0	M16	16	100	40	16	20	3210			60	Over 76
B20M160120PD0	M16	16	120	40	16	40					
B20M160150PD0	M16	16	150	50	16	70					
B20M160190PD0	M16	16	190	50	16	110					
B20M200100PD0	M20	20	100	40	22	15	3200	7510	30	60	Over 80
B20M200130PD0	M20	20	130	50	22	25	4850			80	Over 100
B20M200150PD0	M20	20	150	50	22	45					
B20M200190PD0	M20	20	190	50	22	85					
B20M200230PD0	M20	20	230	50	22	125					